TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **17**/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 13/4/2018.
V/v:*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Thị Nguyệt.

2. Bà Nguyễn Thị Xuân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Tân.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2018/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 02 năm 2018, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Trúc L, sinh năm 1983; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã SK, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; Nơi tạm trú: Ấp 3, xã VB, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn 4, xã SK, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Cháu Lê Quốc Tr, sinh năm 2005; Địa chỉ: Thôn 4, xã SK, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

(Các đương sự vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn - Chị Phạm Thị Trúc L yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Lê Văn D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998, nhưng cho đến năm 2007 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã SK; quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vả, sống không có hạnh phúc; nguyên nhân chủ yếu là vợ chồng bất đồng về kinh tế, tiền bạc trong gia đình; tình trạng

mâu thuẫn kéo dài đến năm 2013 thì chị L chủ động sống ly thân với anh D, đến nơi khác làm ăn sinh sống cho đến nay. Thời gian vợ chồng chị L, anh D sống ly thân đến nay đã lâu và nhận thấy không còn tình cảm với anh D, nên chị L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh D. Do vì điều kiện hiện nay đang đi làm xa nên chị L không thể đến Tòa án để làm thủ tục ly hôn với anh D mà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị L và anh D có hai người con chung tên là Lê Ngọc Tuyết T, sinh ngày 27/7/1999 (đã thành niên) và Lê Quốc Tr, sinh ngày 25/7/2005 đang sống với anh D tại xã SK. Nếu ly hôn thì chị L không có tranh chấp về nuôi con mà đồng ý giao cháu Tr cho anh D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn – anh Lê Văn D trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh D và Phạm Thị Trúc L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998, nhưng cho đến năm 2007 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã SK. Vợ chồng anh D, chị L chung sống với nhau tại Thôn 4, xã SK được thời gian rồi cùng đi vào TPHCM làm ăn sinh sống. Vợ chồng sống hạnh phúc trong thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cải vả, cuộc sống không hạnh phúc nên đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân đến nay khoảng 5 năm nhưng vẫn không hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Nay anh D đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L nhưng vì điều kiện công việc không đến Tòa án để ký thủ tục ly hôn với chị L được nên anh D xin giải quyết vắng mặt.

Trong thời gian chung sống, anh D và chị L có hai người con chung tên là Lê Ngọc Tuyết T, sinh ngày 27/7/1999 (đã thành niên), và Lê Quốc Tr, sinh ngày 25/7/2005 đang sống với anh D tại xã SK. Nếu giải quyết ly hôn thì anh D đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tr cho đến khi thành niên và không yêu cầu về cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Đề nghị giải quyết cho chị L được ly hôn với anh D.

Đề nghị giao cháu Lê Quốc Tr, sinh ngày 25/7/2005 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên. Chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con, anh D không được ngăn cản.

Đề nghị chị L phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, sau khi nghe đương sự trình bày, nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn - chị Phạm Thị Trúc L, bị đơn - anh Lê Văn D và người có quyền, nghĩa vụ liên quan - cháu Lê Quốc Tr vắng mặt tại phiên Tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Trúc L và anh Lê Văn D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998; đến năm 2007 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã SK. Vợ chồng chị L, anh D chung sống hạnh phúc được thời gian đầu nhưng sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cách sống và vấn đề tiền bạc, kinh tế trong gia đình; từ đó thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẽ trong cuộc sống. Đến khoảng năm 2013, chị L và anh D sống ly thân; mỗi người có cuộc sống riêng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện nay chị L không còn tình cảm với anh D nữa nên yêu cầu ly hôn. Điều này phù hợp với kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của chị L, anh D tại địa phương. Riêng về phần anh D, tại biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2018 (bút lục số 25), anh D thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với chị L vì hiện nay không còn tình cảm, vợ chồng chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ năm 2013. Tuy nhiên, các đương sự đều có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt vì bận công việc và điều kiện ở xa; do đó Tòa án không thể ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành giữa chị L với anh D mà phải đưa vụ án ra xét xử công khai. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng chị L và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần xem xét xử cho chị L được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị L và anh D có hai người con chung tên là Lê Ngọc Tuyết T, sinh ngày 27/7/1999 và Lê Quốc Tr, sinh ngày 25/7/2005. Người con chung tên T hiện nay đã thành niên và lập gia đình; riêng cháu Tr thì chị L đồng ý giao cho anh D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên theo yêu cầu của anh D khi ly hôn; đồng thời nguyện vọng của cháu Tr cũng muốn được ở với anh D khi cha mẹ ly hôn. Do đó, cần tiếp tục giao cháu Lê Quốc Tr, sinh ngày

25/7/2005 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Do anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con; Chị L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, anh D không được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét đến.

[5] Về án phí: Chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203; điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82 và 83 Luật HNGĐ năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Trúc L được ly hôn với anh Lê Văn D.

- Về con chung: Giao cho anh Lê Văn D được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung tên là Lê Quốc Tr, sinh ngày 25/7/2005 cho đến khi thành niên. Chị Phạm Thị Trúc L không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh D nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, anh D không được ngăn cản.

- Về án phí: Chị Phạm Thị Trúc L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N.0012413 ngày 08/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị L đã nộp đủ án phí L hôn sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định (đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự h. Tánh Linh;
- UBND xã SK;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hạ Hải Hồ